TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/DS-ST
Ngày: 26-7-2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thái Hòa
2. Ông Nguyễn Trung Diễn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hoàng Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa – tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 651/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-DS ngày 25/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 691/2019/QĐST-DS ngày 17/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng C**.

Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường H, Quận M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T-Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Sỹ C, sinh năm 1976. (Theo văn bản ủy quyền số 743/ NHCSĐN-KHTD ngày 24/10/2018)

Địa chỉ liên hệ: Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Đồng Nai, xa lộ Hà Nội, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: K4/193D, khu phố 2, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1955.
Địa chỉ: K4/193D, khu phố 2, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông C, ông S có mặt, bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2018, tại bản tự khai và trong quá trình xét xử đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Nguyễn Sỹ C trình bày:

Gia đình ông Nguyễn Văn S thuộc diện có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, đề nghị Ngân hàng xét cho vay vốn chương trình tín dụng đối với học sinh, sinh viên. Người vay là ông Nguyễn Văn S, người thừa kế là bà Trần Thị H là vợ ông S. Ông Nguyễn Văn S có đề nghị Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Đồng Nai cho vay số tiền 34.400.000đồng để chi phí học tập cho sinh viên Nguyễn Thị Hồng N với thời gian theo học tại trường đại học Lạc Hồng được vay là 08 học kỳ (4 năm học). Ngày 10/5/2010, Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Đồng Nai phê duyệt cho vay đối với hộ ông Nguyễn Văn S với số tiền là 34.400.000đồng, số tiền đã giải ngân theo từng học kỳ như sau: Ngày 13/5/2010, giải ngân lần 1 với số tiền 8.600.000 đồng; ngày 07/3/2011, giải ngân lần 2 với số tiền 1.800.000 đồng. Ngày 31/8/2010, Văn phòng Chính phủ có thông báo số 231/TB-VPCP về việc thông báo ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân tại cuộc họp về Chương trình chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên; Ngày 16/9/2010 Tổng giám đốc Ngân hàng C có văn bản số 2287/NHCS-TDSV ngày 16/9/2010 về việc hướng dẫn thực hiện một số điểm theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân tại Thông báo số 231/TB-VPCP. Thực hiện quy định này, Ủy ban nhân dân phường H đã rà soát lại đối tượng vay vốn của các khoản vay đã giải ngân trước đây của Chương trình tín dụng học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, kết quả rà soát lại đối tượng vay vốn được lập thành danh sách và Chủ tịch ủy ban nhân dân phường H ký ngày 02/12/2010, theo đó hộ ông Nguyễn Văn S thuộc diện khó khăn về tài chính (hộ gặp khó khăn tạm thời về tài chính) không thuộc diện hộ nghèo hoặc diện hộ cận nghèo, đã được vay vốn cho sinh viên Nguyễn Thị Hồng N với thời gian học được vay vốn là 12 tháng, vì vậy không được tiếp tục được vay vốn.

Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Đồng Nai chấm dứt việc giải ngân cho vay đối với hộ ông Nguyễn Văn S và xác định lại kỳ hạn trả nợ đối với số tiền đã cho vay là 10.400.000 đồng, thời hạn cho vay được xác định lại là 67 tháng, lãi suất cho vay là 0,5%/tháng, hạn trả nợ là ngày 07/12/2015.

Đến thời hạn trả nợ hộ ông Nguyễn Văn S chưa trả nợ, Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Đồng Nai gia hạn nợ 12 tháng, hạn trả nợ sau khi được gia hạn là ngày 07/12/2016, nhưng đến hạn ông S cũng không trả. Ngày 08/12/2016 Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Đồng Nai đã chuyển số tiền vay 10.400.000 đồng sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 14/6/2019, ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị H còn nợ số tiền gốc là 10.400.000 đồng và tiền lãi là 6.091.293 đồng. Đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc là 10.400.000 đồng và tiền lãi là 6.091.293 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày: Yêu cầu ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc là 10.400.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử là 6.185.933 đồng. Tổng cộng là 16.585.933 đồng và tiền lãi phát sinh.

Tại các bản tự khai và trong quá trình xét xử bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng phía

Ngân hàng C thực hiện không đúng với hợp đồng đã ký kết cho nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả tiền gốc và tiền lãi là không đúng.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn S trình bày: Do hoàn cảnh hiện tại gia đình ông rất khó khăn. Nên vợ chồng ông chỉ đồng ý thanh toán cho Ngân hàng C số tiền gốc là 5.200.000 đồng.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập cho ông người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H đến Tòa làm việc, hòa giải nhưng bà H đều vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn thực hiện không đúng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn S có địa chỉ tại K4/193D, khu phố 2, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Thủ tục ủy quyền của ông Nguyễn Sỹ C phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật cho bà Trần Thị H, nhưng bà Trần Thị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị H thanh toán tiền gốc và tiền lãi đã vay theo Sổ vay vốn và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, nên được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xét thấy:

Việc ông Nguyễn Văn S có vay vốn của Ngân hàng C là có thật. Ngày 10/5/2010, Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Đồng Nai phê duyệt cho vay đối với ông Nguyễn Văn S, người thừa kế là bà Trần Thị H là vợ ông S với số tiền là 34.400.000 đồng, số tiền đã giải ngân theo từng học kỳ như sau: Ngày 13/5/2010,

giải ngân lần 1 với số tiền 8.600.000 đồng; ngày 07/3/2011, giải ngân lần 2 với số tiền 1.800.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 31/8/2010, Văn phòng Chính phủ có thông báo số 231/TB-VPCP về việc thông báo ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân tại cuộc họp về Chương trình chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên; Ngày 16/9/2010 Tổng giám đốc Ngân hàng C có văn bản số 2287/NHCS-TDSV ngày 16/9/2010 về việc hướng dẫn thực hiện một số điểm theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân tại Thông báo số 231/TB-VPCP. Thực hiện quy định này, Ủy ban nhân dân phường H đã rà soát lại đối tượng vay vốn của các khoản vay đã giải ngân trước đây của Chương trình tín dụng học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, kết quả rà soát lại đối tượng vay vốn được lập thành danh sách và Chủ tịch ủy ban nhân dân phường H ký ngày 02/12/2010, theo đó hộ ông Nguyễn Văn S thuộc diện khó khăn về tài chính (hộ gặp khó khăn tạm thời về tài chính) không thuộc diện hộ nghèo hoặc diện hộ cận nghèo, đã được vay vốn cho sinh viên Nguyễn Thị Hồng N với thời gian học được vay vốn là 12 tháng, vì vậy không tiếp tục được vay vốn và Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Đồng Nai chấm dứt việc giải ngân cho vay đối với hộ ông Nguyễn Văn S và xác định lại kỳ hạn trả nợ đối với số tiền đã cho vay là 10.400.000 đồng, thời hạn cho vay được xác định lại là 67 tháng, lãi suất cho vay là 0,5%/tháng, hạn trả nợ là ngày 07/12/2015 và đến thời hạn trả nợ hộ ông Nguyễn Văn S chưa trả nợ, Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Đồng Nai gia hạn nợ 12 tháng, hạn trả nợ sau khi được gia hạn là ngày 07/12/2016, nhưng đến hạn ông S, bà H cũng không trả nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S, bà H có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 10.400.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử là 6.185.933 đồng. Tổng cộng là 16.585.933 đồng và tiền lãi phát sinh.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn S cho rằng phía Ngân hàng C thực hiện không đúng với hợp đồng đã ký kết cho nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả tiền gốc và tiền lãi là không đúng. Tuy nhiên, việc Ngân hàng C chấm dứt việc giải ngân cho vay đối với ông Nguyễn Văn S là do chính sách của Nhà nước thay đổi, không phải do ý chí chủ quan của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn S trình bày: Do hoàn cảnh hiện tại gia đình ông rất khó khăn. Nên vợ chồng ông chỉ đồng ý thanh toán cho Ngân hàng C số tiền gốc là 5.200.000 đồng. Tuy nhiên, Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị H không đến Tòa làm việc cho thấy bà H đã từ bỏ quyền tự chứng minh và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên Hội đồng xét xử chỉ căn cứ trên chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để giải quyết.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu của Ngân hàng C là có cơ sở chấp nhận. Do đó buộc ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng C tổng cộng số tiền gốc còn nợ là 10.400.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử là 6.185.933 đồng. Tổng cộng là 16.585.933 đồng và tiền lãi phát sinh.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 184, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 429; Điều 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng C số tiền gốc là 10.400.000 đồng (Mười triệu bốn trăm nghìn đồng) và số tiền lãi là 6.185.933 đồng (sáu triệu một trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi ba đồng), tổng cộng là 16.585.933 đồng (mười sáu triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/7/2019) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị H phải chịu 829.296 đồng (Tám trăm hai mươi chín nghìn hai trăm chín mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Loan Trần Hải Yến